

SỞ GD & ĐT TỈNH LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC  
NỘI TRÚ THCS VÀ THPT CƯ JÚT  
Số: 1829/QĐ-DTNTCJ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cư Jút, ngày 06 tháng 08 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai kinh phí tiết kiệm năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP  
của Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT CƯ JÚT

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2481/QĐ-SGDĐT ngày 31/07/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về kinh phí tiết kiệm năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai kinh phí tiết kiệm năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Cư Jút (theo biểu số 74 đính kèm).

**Điều 2.** Tổ Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cổng thông tin điện tử Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Viết Thanh

Đơn vị: Trường PTDTNT THCS VÀ THPT CƯ JÚT

Mẫu biểu số 74

Chương: 422

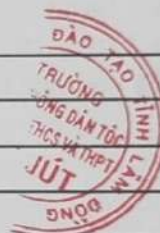
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-DTNTCTJ, ngày 06/08/2026  
của Trường PTDTNT THCS VÀ THPT Cư Jút)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: đồng

| STT        | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao<br>(Kinh phí tiết kiệm) |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1          | 2                                                                           | 3                                         |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                          |                                           |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                   |                                           |
| 1          | Lệ phí                                                                      |                                           |
| 2          | Phí                                                                         |                                           |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                     |                                           |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                   |                                           |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                                           |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                                           |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                                           |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                       |                                           |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                 |                                           |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                                           |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>                       |                                           |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                  |                                           |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                       | <b>116.497.600</b>                        |
| <b>1</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                           |                                           |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                                           |
| 1.1        | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                       |                                           |
| 1.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                 |                                           |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                                           |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                              |                                           |
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                                           |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                                           |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      | <b>116.497.600</b>                        |
| <b>3.1</b> | <b>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</b>                                    | <b>116.497.600</b>                        |
|            | - Chi hoạt động thường xuyên                                                | 116.497.600                               |

*me*

| STT | Nội dung                                                             | Dự toán được giao<br>(Kinh phí tiết kiệm) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                              | -                                         |
| II  | Nguồn vốn viện trợ                                                   |                                           |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                               |                                           |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                                           |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                      |                                           |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               |                                           |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                   |                                           |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                                                |                                           |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |                                           |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                      |                                           |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                     |                                           |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                       |                                           |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài                                              |                                           |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                               |                                           |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                                           |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                          |                                           |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               |                                           |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                   |                                           |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                                                |                                           |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |                                           |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                      |                                           |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                     |                                           |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                       |                                           |



Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Viết Thanh